

VỀ SỰ NGHÈO ĐÓI Ở NGƯỜI KHƠ ME

(Nghiên cứu trường hợp xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)(*)

VŨ ĐÌNH MƯỜI

Xã Hoà Lợi là một trong tổng số 13 xã của huyện Châu Thành (tỉnh Trà Vinh) và là một trong 5 xã đặc biệt khó khăn của huyện này, được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước thông qua Chương trình 135. Xã nằm ở phía đông của huyện, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 7 km theo đường bộ. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 1.527,7 ha, trong đó, đất nông nghiệp là 1.398,07 ha, đất chuyên dùng - 78,30 ha, đất thổ cư - 32,23 ha, đất chưa sử dụng - 19,1 ha. Xã có 8 ấp với 1889 hộ, 8.741 khẩu (nam - 46,5%, nữ - 53,5%); trong đó, người Việt có 556 hộ, với 2.641 khẩu, chiếm 30,2%; người Khơ me - 1.316 hộ, 6.059 khẩu, chiếm 69,3%; người Hoa - 8 hộ, 41 khẩu, chiếm 0,5 %.

Theo báo cáo của UBND huyện Châu Thành, tính đến tháng 6 năm 2001, cả huyện có tới 1.495 hộ Khơ me không có ruộng đất canh tác, chưa kể một số lượng lớn các hộ đã cầm cố, chuyển nhượng hết đất chưa được thống kê. Có lẽ thiếu đất canh tác là nguyên nhân cơ bản khiến cho tốc độ xoá đói giảm nghèo ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long chậm nhất so với các khu vực khác ở Việt Nam (*Tấn công đói nghèo, 1999*). Những hộ gia đình Khơ me không đất là bộ phận dễ bị tác động trước những thay đổi trong xã hội và các tai biến khác.

Nông nghiệp truyền thống độc canh cây lúa nước một vụ là nguồn thu nhập và chỗ dựa chính cho sinh kế của người Khơ me. Các hoạt động khác như chăn nuôi, thủ công nghiệp, buôn bán và khai thác tự nhiên chỉ mang tính chất phụ trợ, mờ nhạt và không phải là nguồn thu nhập thường xuyên (*Vũ Đình Mười 2000*). Kinh tế của các hộ gia đình Khơ me về cơ bản mang tính tự cung, tự

cấp. Nguồn thu từ nông nghiệp (chủ yếu là lúa) không chỉ là nguồn chính đảm bảo đời sống gia đình mà cũng là nguồn chủ yếu cho những chi tiêu trong các dịp lễ tết và cúng chùa, chữa trị bệnh tật, ứng phó các tai nạn bất ngờ, đánh thuế và các khoản đóng góp cộng đồng. Trong tâm thức của phần lớn bà con đều có những suy nghĩ giống nhau: *Sống kiếp này là để tu nhân đức cho kiếp sau*. Tin vào nghiệp chướng (*karma*), họ ít nghĩ đến tích lũy và quan niệm rằng: *Nghèo là do kiếp trước vụng tu*. Nhà cửa của gia đình có thể đơn giản, nhưng ngôi chùa của cộng đồng phải thật đẹp và khang trang. Họ không tiếc của cải khi hiến cho nhà chùa, nhất là khi được mùa. Theo số liệu điều tra thực địa, khi được hỏi sẽ làm gì khi có nhiều tiền, hơn 11% số gia đình dành ưu tiên cho việc cúng chùa. Canh tác nông nghiệp ở vùng người Khơ me tương đối thuận lợi, nhưng không có tích lũy nhiều. Những năm thời tiết thất thường, sâu bọ hoành hành gây mất mùa là họ mất đi nguồn lương thực cho cả năm mà không có nguồn thu nào khác có thể thay thế được.

Trong một chừng mực nào đó cũng phải kể đến ảnh hưởng của một thời loạn lạc. Trong suốt thời gian chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, miền Tây Nam Bộ, trong đó có Trà Vinh luôn là vùng tranh chấp giữa ta và địch, phải chịu cảnh bom rơi đạn lạc và sức ép của các chính sách thời chiến.

Dưới chế độ Mỹ - ngụy, rất nhiều thanh niên Khơ me vừa đến tuổi trưởng thành phải vào tu trong chùa nhằm tránh quân địch. Lúc đó, ở nhiều chùa, số sư sãi, tăng đồ lên đến vài trăm người; có chùa lên tới cả gần nghìn sư sãi. Những gia đình Khơ me khá giả thì gửi con đi học, đi tu ở Campuchia. Số khác buộc phải đi lính cho quân đội của chính quyền Sài Gòn. Do đó, lực lượng lao động nam giới trong các gia đình Khơ me giảm đáng kể, lao động chủ yếu là phụ nữ, sức sản xuất và thu nhập cũng giảm theo. Đó là chưa kể họ còn bị tác động bởi các

*. Bài viết này là một phần kết quả trong khuôn khổ của Dự án: "Việc sử dụng tín dụng của phụ nữ Khơ me", do Toyota Foundation tài trợ.

chính sách đất đai của chế độ cũ, nhằm tạo nên tầng lớp địa chủ, tư sản bản địa làm chỗ dựa cho chúng, gây chia rẽ dân tộc và phục vụ cho các mục đích chính trị phản động khác (Elliot 2003:465-495).

Một bộ phận người Khơ me gặp thế cùng quần buộc phải vay mượn và rồi cầm cố, bán ruộng đất - nguồn tư liệu sản xuất gần như duy nhất của họ. Đội quân nông nghiệp thuần túy không đất này đã phải đi làm thuê, làm mướn và làm bất cứ việc gì mà họ có thể làm được để mưu sinh. Nhiều người phải bán máu để lấy tiền nuôi thân và trả nợ. Những năm 1990 trở về trước, có tới 80% hộ Khơ me ở hai ấp Đa Hoà Nam và Đa Hoà Bắc, xã Hoà Lợi có người bán máu để mưu sinh. Gần đây, tình trạng này đã giảm đi nhiều và gần như không còn. Một số gia đình không đất vẫn tiếp tục làm ruộng bằng cách thuê mướn hoặc (nếu may mắn) mượn ruộng của các hộ có nhiều đất canh tác¹.

Tình trạng không có đất, sống vất vưởng dựa vào làm thuê, bắt tôm mò cá... của nhiều hộ gia đình Khơ me hiện nay có gốc rễ sâu xa trong lịch sử. Nhiều hộ gia đình, đặc biệt là các hộ gia đình trẻ, nghèo đói, không có đất vì bố mẹ, ông bà họ vốn không có đất nên họ không có gì để thừa kế. Theo điều tra của chúng tôi, có tới 90% số ruộng mà các hộ đang sử dụng có nguồn gốc từ thừa kế, còn lại là thuê (2,6%) và mua (7,4%). Trong tổng số gần 100 hộ được điều tra, có tới 45% số hộ không có đất canh tác. Những năm 80 của thế kỷ trước, sau khi các tập đoàn sản xuất giải thể, chính quyền địa phương đã chia đất cho các hộ nghèo không đất sản xuất, nhưng do quỹ đất hạn chế nên số hộ được chia đất không nhiều.

Trong những năm gần đây do tác động của nền kinh tế thị trường, các nhu cầu tiêu dùng trở nên đa dạng. Thêm vào đó, các khoản tiền chi cho đám cưới, đám hỏi, lễ tết, học hành đang có xu hướng tăng lên: trên 50% số hộ được hỏi chi từ 500.000 đến 3.000.000 đồng cho "đi đám" mỗi năm; 63% số hộ chi cho con cái học hành từ 500.000 đến 2.000.000 đồng/năm. Theo kết quả của một vài công trình nghiên cứu, số tiền "chi

phí xã hội" (đi đám) có thể chiếm tới 50% thu nhập của hộ gia đình Khơ me nghèo (Oxfarm Anh, 1999). Có nhiều hộ phải vay tiền để "đi đám" vì theo họ, "nghèo nhưng không thể bỏ bà con chòm xóm được", hay "gắng đi người ta, sau này người ta đi lại cho con cái mình". Trong khi đó nguồn thu nhập chủ yếu từ nghề nghiệp không tăng lên là bao so với các chỉ tiêu thực tế. Do đó việc tích lũy để đầu tư cho sản xuất và tái sản xuất càng trở nên xa vời. Ngay cả các gia đình có 4 đến 5 công¹ đất, nếu không biết cách cải tạo đất, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lúa và chuyển đổi cây trồng hay đa dạng hoá vật nuôi cây trồng cũng bị rơi vào tình trạng thiếu ăn, nhất là ở những nơi không có điều kiện thuận lợi để thau chua, rửa mặn và cải tạo đất như các ấp Đa Hoà Bắc, Đa Hoà Nam, Qui Nông B. Theo điều tra của chúng tôi, số lượng hộ có đất từ 5 công trở xuống chiếm tới 52,5% trong số các hộ có ruộng. Nhiều người cho rằng thu hoạch từ canh tác 1 đến 3 công đất không bằng đi làm thuê, làm mướn (Oxfarm Anh 1999). Do đó làm thuê làm mướn không chỉ là giải pháp mưu sinh cho các hộ không đất mà cho cả những hộ ít đất.

Từ khi Luật đất đai 1993 được ban hành², tình trạng bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày càng tăng đã làm cho số lượng hộ nghèo, hộ không đất tăng lên. Theo báo cáo của UBND xã Hoà Lợi năm 2001, trong số 450 hộ Khơ me không có đất sản xuất và sinh sống của xã, có tới 148 hộ gia nhập đội ngũ này bán hết đất của mình những năm gần đây (tương đương với 33% trong tổng số hộ không đất). Ngoài ra hiện có 60 hộ Khơ me trong xã cầm cố đất với tổng diện tích là 18 ha để lấy tiền chi tiêu. Sự gia tăng dân số, hậu quả của việc sinh đẻ không có kế hoạch trước đây cũng làm cho tình trạng nghèo đói của bà con trầm trọng hơn. Nghèo đói cũng thường xuất hiện ở các gia đình đông con hoặc con nhỏ.

¹. 1 công = 1000 m²- đơn vị đo diện tích phổ biến ở Nam Bộ.

². Luật đất đai năm 1993 đã tạo ra hành lang pháp lý cho sự phát triển thị trường đất đai, làm cho việc chuyển nhượng đất đai dễ dàng và hợp pháp hơn.

Để đối phó với đói nghèo, nhiều hộ đã phải cho con nghỉ học để lao động phụ giúp gia đình.

Theo điều tra gần đây nhất của Phòng Giáo dục huyện, ấp Đa Hoà Bắc, nơi có 545 người Khơ me (trong tổng số 561 người của toàn ấp), chỉ có 34 người có trình độ học vấn hết phổ thông cơ sở (6,6%). Tỷ lệ bỏ học ở các lớp tăng dần theo bậc học. Tỷ lệ nữ giới thất học và bỏ học thường cao hơn nam giới. Điều này có ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn lực con người và khả năng tham gia và thích ứng của họ vào đời sống kinh tế - xã hội, nhất là phụ nữ.

Việc phân hoá giàu nghèo giữa những người Khơ me cũng đang tăng lên trong những năm gần đây. Một số gia đình Khơ me có tiền từ nước ngoài gửi về (nhất là từ Mỹ), có công ăn việc làm ổn định, biết tính toán, đã mua bán, tích lũy được số lượng đất khá lớn. Có những hộ có khoảng trên dưới 50 công đất, như gia đình anh Kiên Kh. ở ấp Qui Nông B, Kiên Thị H. ở ấp Đa Hoà Nam. Vì thế không ngạc nhiên khi một xã với bình quân lương thực qui thóc trên 800 kg trên đầu người lại có tỉ lệ nghèo đói cao.

Gần đây bà con Khơ me xã Hoà Lợi đã và đang được sự quan tâm đầu tư từ Nhà nước, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ. Nhưng tỉ lệ nghèo đói hiện vẫn còn rất cao, khoảng 33% (2003). Những người nghèo nhất thường là những hộ không đất. Phần lớn trong số họ là những người làm nông nghiệp thuần tuý, không có nghề chuyên môn nào khác. Đi làm thuê dưới dạng bán sức lao động chân tay có lẽ là giải pháp duy nhất hiện nay để họ mưu sinh. Số liệu điều tra cho thấy có 53,6% số hộ có từ 1 đến 4 người đi làm thuê, làm mướn, và trong số đó có 26,1% số hộ có từ 1 đến 2 người đi làm thuê ngoại tỉnh. Thu nhập được từ làm thuê thấp, không ổn định và mang tính tạm thời (thời gian có việc chỉ kéo dài khoảng 2-3 tháng trong 1 năm). Giá tiền công trung bình một ngày làm việc của nam từ 15.000 đến 20.000 đồng, của nữ - 10.000 đến 15.000 đồng. Những gia đình nào

có chồng hay con kiếm được việc làm ở thành phố (làm người ở, bốc vác, đào đất, quặng đất, mộc, nề...), thì cuộc sống có phần đỡ chật vật hơn.

Trên địa bàn xã và lân cận, người làm thuê nhiều, tìm việc làm trở nên khó khăn. Nhiều gia đình đã phải lấy trước tiền công và trả sau bằng lao động nông nghiệp vào các vụ sau đó. Do lấy tiền trước nên công lao động của họ chỉ được trả nhiều nhất bằng 2/3 so với thực tế. Nhiều gia đình như trường hợp gia đình anh Kiên U. ở ấp Trì Phong làm quần quật cả một vụ mà vẫn không trả đủ số tiền "vay công"³ từ trước. Anh nói, "Không hiểu làm sao làm quần quật quanh năm mà vẫn đói ăn". Có gia đình như trường hợp nhà chị Thạch Thị H. ở ấp Đa Hoà Nam đi vay ngoài làm vốn bán hàng rong để kiếm sống nhưng lãi không có và vốn cũng không còn nên thiếu đói; và thêm nữa, việc thiếu đói này còn do bán chịu (bán thiếu) không lấy được tiền (nếu không bán chịu thì không có người mua). Một số gia đình được vay tiền ngân hàng theo diện người nghèo để chăn nuôi nhưng do thiếu ăn và do có người bị bệnh nên tiêu hết. Những hộ này không còn cơ hội để tiếp tục vay từ các nguồn vốn chính thức (Nhà nước và các tổ chức tín dụng). Họ phải vay tiền ngoài "chợ đen", phổ biến nhất là vay "bạc góp"⁴, với lãi suất từ 15 đến 20%/tháng (42% số hộ được điều tra có vay tư nhân thường xuyên, 42% vay không thường xuyên, chỉ có 16% không vay; trong số hộ có vay tư nhân, 86% vay dưới hình thức "bạc góp"). Nhiều gia đình bị cuốn vào vòng xoáy nợ nần, gốc lãi chồng chất và rơi vào tình trạng bán cùng hoá. Có thể thấy sự phân hoá trong các hộ gia đình ở vùng người Khơ me theo các đặc trưng như sau (xem thêm Oxfarm Anh, 1999):

³. Lấy lúa gạo hoặc tiền trước, sau đó trả bằng sức lao động.

⁴. Vay tiền trả dần từng ngày, và số toàn bộ số tiền vay phải trả hết trong vòng một tháng. Ví dụ: nếu vay 100.000 đồng, người vay phải trả 4.000 đồng mỗi ngày. Như vậy lãi suất vượt qua mức 20%/tháng.

Các chỉ số đặc trưng giàu nghèo của người Khơ me xã Hoà Lợi

Hộ khá (hoặc giàu)	Hộ trung bình	Hộ nghèo	Hộ rất nghèo
<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 8-50 công đất - Được mùa lúa - Có máy sản xuất nông nghiệp - Nhận tiền gửi từ nước ngoài - Có gia súc, gia cầm (bò, lợn, gà, vịt...) - Có xe máy đời mới - Có bàn ghế, tủ, ti vi trong nhà - Có nhà xây bằng gạch, xi măng - Có con học hết trung học cơ sở. - Có điện 	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 8-20 công đất - Không có máy cày bừa - Nhà làm bằng tre, gỗ - Có ti vi, máy tuốt lúa - Có bàn ghế trong nhà - Có công ăn việc làm ổn định - Có ít con 	<ul style="list-style-type: none"> - Có dưới 5 công đất - Nhà tre mái lá - Làm thuê làm mướn - Thiếu nợ - Thiếu tích lũy, không có vốn - Nhiều con hoặc con nhỏ - Có ít bàn ghế trong nhà - Nhà có người bị bệnh - Con cái bỏ học - Chăn nuôi ít, gia súc và gia cầm bé - Đã bán đất trong lúc khó khăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đủ ăn - Không đất - Phải đi làm thuê làm mướn - Nợ nần nhiều - Nhà có người bị bệnh - Con cái thất học hoặc bỏ học - Không có tích lũy - Không thể trả nợ bằng tiền mặt (trả bằng lao động chân tay) - Không có đủ quần áo - Nhiều con - Không chăn nuôi - Không có đồ đạc gì đáng giá - Nhà tre lá tạm bợ hoặc không có đất ở, phải ở nhờ.

Qua các tư liệu trên đây cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng đói nghèo của người Khơ me ở xã Hoà Lợi. Thực trạng đói nghèo này là bài toán khó đối với các chương trình phát triển ở người Khơ me hiện nay.

Tài liệu tham khảo chính

Trần Thị Vân Anh - Lê Ngọc Hùng. 2000. *Phụ nữ, giới và phát triển*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.

Phan Xuân Biên. 1995. *Luận cứ khoa học cho việc xác định chính sách đối với cộng đồng người Khơ me và người Hoa ở Việt Nam*.TPHCM, Báo cáo.

Trần Văn Bốn. 2002. *Phong tục và nghi lễ vòng đời của người Khơ me Nam Bộ*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cagatay, Nilufer.1998. *Gender and Poverty*. United Nations Development Programme-WP 5. Social Development and Poverty Elimination

Divison. <Http:// www.undp.org>

Bùi Quang Dũng. 2001. *Nghèo đói ở nông thôn vùng sáu Việt Nam*. Hà Nội: Tạp chí Dân Tộc Học, số 2-2001.

Elliot, David W.P. 2003. *Revolution and Social Change in the Mekong Delta 1930-1975*. New York: M.E. Shape Inc.

Vũ Đình Mười. 2000. *Kinh tế - xã hội truyền thống của người Khơ me (xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)*. Hà Nội: Viện Dân tộc học, Báo cáo tập sự.

Ngân hàng Thế giới. 1999. *Tấn công nghèo đói*. Hà Nội, Báo cáo.

Ngân Hàng Thế Giới 1995. *Xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam*. Hà Nội, Báo cáo.

Oxfam Anh. 1999. *Đánh giá nghèo đói có sự tham gia của người dân huyện Duyên Hải và Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*. Hà Nội, Báo cáo.